

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng ĐT759 đoạn từ xã Phước Tân, huyện Bù Gia Mập đến thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp kết hợp kê chống sạt lở cấp bách hạ lưu Thủy điện Cản Đơn, huyện Bù Đốp**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011- 2015;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ công văn số 10761/BKHĐT-KTĐPLT ngày 25/12/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định nguồn vốn dự án ĐT759 tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND ngày 29/6/2009 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 26/02/2013 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư và dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư dự án nâng cấp, mở rộng ĐT759 đoạn từ trung tâm xã Phước Tân, huyện Bù Gia Mập đến thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1172/TTr - SKHĐT ngày 09/10/2013; theo kết luận cuộc họp của Chủ tịch UBND tỉnh với các Sở, ngành, địa phương ngày 01/10/2013 (Thông báo số 328/TB-UBND ngày 02/10/2013 của UBND tỉnh),

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng ĐT759 đoạn từ xã Phước Tân, huyện Bù Gia Mập đến thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp kết hợp kè chống sạt lở cấp bách hạ lưu Thủy điện Cần Đơn, huyện Đốp với nội dung như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng ĐT759 đoạn từ xã Phước Tân, huyện Bù Gia Mập đến thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp kết hợp kè chống sạt lở cấp bách hạ lưu Thủy điện Cần Đơn, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

2. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án đầu tư: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Tấn Phước.

4. Chủ nhiệm lập dự án: KS. Nguyễn Văn Răng.

5. Mục tiêu đầu tư:

- Kịp thời ngăn chặn sự xuống cấp của tuyến đường, đảm bảo việc lưu thông trên tuyến được thuận lợi. Kết hợp kè chống sạt lở cấp bách cho các đoạn tuyến qua khu vực hạ lưu thủy điện Cần Đơn, chống ngập úng cho các đoạn qua trung tâm các huyện, góp phần nâng cao tuổi thọ công trình.

- Nối thông mạng lưới trục giao thông xương sống, chiến lược của tỉnh với nhau: Quốc lộ 14 - Quốc lộ 13 - Lộ 3 Tấn - Hoàng Diệu - ĐT759, từ đó tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực. Từng bước hoàn thiện cơ bản hệ thống mạng lưới giao thông của tỉnh theo quy hoạch, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển.

6. Nội dung và quy mô đầu tư: Đầu tư nâng cấp ĐT 759 với các nội dung cơ bản như sau:

- Chiều dài tuyến: 37.897 m.

- Vận tốc thiết kế: 60km/h.

- Kết cấu mặt đường: Cấp cao A1.

- Kết cấu kè chống sạt lở: Xây đá hộc.



7. Địa điểm xây dựng: Tuyến công trình đi qua huyện Bù Gia Mập, thị xã Phước Long và huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

8. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 424.300m<sup>2</sup>.

9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):

- Bề rộng mặt đường:

+ Đoạn Km10+000 (đầu dự án) đến Km15+839,90: 6m;

+ Đoạn Km15+839,90 đến Km21+317 và đoạn Km23+000 đến Km48+997: 9m;

+ Đoạn Km22+417 đến Km23+000 (đoạn nội ô Phước Bình đến giáp Long Điền): 9m x 2 bên + DPC giữa 1m = 19m;

+ Bề rộng lề đường, vỉa hè: 1,5m x 2 bên, riêng đoạn Km22+417 đến Km23+000 thiết kế vỉa hè rộng 6,5m x 2 bên;

- Bề rộng nền đường tối thiểu:

+ Đoạn Km10+000 (đầu dự án) đến Km15+839,90: 9m;

+ Đoạn Km15+839,90 đến Km21+317 và đoạn Km23+000 đến Km48+997: 12m;

+ Đoạn Km22+417 đến Km23+000 (đoạn nội ô Phước Bình đến giáp Long Điền): 32m;

- Độ dốc ngang mặt đường : 2%;

- Tải trọng thiết kế đường : Trục xe 12 tấn;

- Tải trọng thiết kế công : HL93;

- Môduyn đàn hồi yêu cầu : Eyc ≥ 170 MPa;

- Tần suất tính toán thủy văn nền đường, cống thoát nước: P = 4%

- Kết cấu áo đường: Cấp cao A1 với các lớp từ trên xuống như sau:

\* Phần mặt đường trên nền đường cũ:

+ BTNN hạt trung C12,5 dày 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; E ≥ 170MPa, trên lớp nhựa lót 1kg/m<sup>2</sup>.

+ Lớp cấp phối đá dăm dày trung bình 20cm, lu lèn K ≥ 0,98; E ≥ 154MPa.

+ Cày sọc mặt đường láng nhựa hiện hữu.

\* Phần mặt đường mở rộng:

+ BTNN hạt trung C12,5 dày 7cm, lu lèn  $K \geq 0,98$ ;  $E \geq 170\text{MPa}$ , trên lớp nhựa lót  $1\text{kg/m}^2$ .

+ Lớp cấp phối đá dăm dày 40cm, lu lèn  $K \geq 0,98$ ;  $E \geq 154\text{MPa}$ .

+ Lớp cấp phối sỏi đỏ dày 40cm, lu lèn  $K \geq 0,98$ .

+ Nền đất nguyên thổ hoặc đắp đất chọn lọc.

- Lê đường, vỉa hè: Đắp sỏi đỏ lu lèn  $K \geq 0,98$ ; riêng đoạn Km22+417 - Km23+000 (đoạn nội ô Phước Bình) vỉa hè lát gạch xi măng dày 3,2cm.

- Hệ thống thoát nước ngang: Tận dụng hệ thống thoát nước hiện hữu; nối dài, sửa chữa hoặc thay thế các công không đủ chiều dài và hư hỏng.

- Hệ thống thoát nước dọc: Các đoạn qua khu dân cư bằng mương xây đá hộc đập đan BTCT, giao cắt với đường khác bằng cống hộp BTCT, các đoạn có độ dốc lớn gia cố bằng mương xây đá hộc, các đoạn còn lại bằng mương đất hình tam giác. Riêng đoạn Km22+417 - Km23+000 thoát nước dọc bằng cống tròn BTCT đúc sẵn tại nhà máy.

- Bố trí đầy đủ hố ga, bó vỉa đoạn Km22+417 - Km23+000 (đoạn nội ô Phước Bình) và các đoạn qua trung tâm xã Phước Tín, xã Đa Kia; riêng đoạn nội ô Phước Bình có bố trí cây xanh.

- Hệ thống cọc tiêu, biển báo đường bộ.

\* Các tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

- Quy trình khảo sát đường ô tô 22TCN 263-2000;

- Quy trình tính toán thủy văn 22TCN 220-95;

- Tiêu chuẩn thiết kế đường TCVN 4054-2005;

- Tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị TCXDVN 104-2007;

- Tiêu chuẩn thiết kế áo đường mềm 22TCN211-06;

- Tiêu chuẩn thiết kế cầu 22TCN272-05;

- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu nền đường ô tô TCVN 9436:2012;

- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên TCVN 8857:2011;

- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô TCVN 8859:2011;

- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông nhựa nóng TCVN 8819:2011;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN 41:2012/BGTVT.

10. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp III.

11. Dự án thuộc nhóm: B.

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Công trình được xây dựng chủ yếu bám theo tuyến hiện hữu mở rộng về hai bên trong phạm vi hành lang lộ giới nên chỉ phải thực hiện giải tỏa bồi thường ở một số vị trí.

- Về chính sách: Áp dụng theo Quyết định 58/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Về đơn giá bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng: Áp dụng theo các quy định của UBND tỉnh tại thời điểm tiến hành công tác giải phóng mặt bằng.

13. Tổng mức đầu tư: 363.657.698.459 đồng

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	289.690.167.536	đồng
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB (gồm cả chi phí rà phá bom mìn):	15.000.000.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	3.235.131.728	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	10.407.251.221	đồng
- Chi phí khác:	2.353.250.625	đồng
- Chi phí dự phòng:	42.971.897.349	đồng

14. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 253.328.000.000 đồng, (tương ứng với 70%).

- Vốn ngân sách tỉnh: 110.329.698.459 đồng (tương ứng với 30%).

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

16. Thời gian thực hiện dự án: 2014 - 2016.

**Điều 2.** Sở Giao thông vận tải là chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện tốt dự án theo các nội dung được phê duyệt tại Điều 1.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã: Bù Gia Mập, Phước Long, Bù Đốp; Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng KTTH, KTN;
- Lưu: VT (Nghĩa: 10.10).



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Trâm